TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 280/2019/QĐST–HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 03 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 352/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Tài Thị L**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 60/2 P xã T H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Quốc T,** sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 60/2 Phát C, xã Trạm H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tài Thị L và ông Huỳnh Q T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Tài Thị L và ông Huỳnh Quốc T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Cả hai thỏa thuận giao cho ông Huỳnh Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Huỳnh Như M, sinh ngày 12/10/2011; Huỳnh Thị Như Q, sinh ngày 16/11/2014 cho đến tuổi trưởng thành. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Tài Thị L thỏa thuận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012235 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Tài Thị L số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp. Đà Lạt;
- UBND xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh T.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã kí và đóng dấu

Nguyễn Thị Huyền